

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản 10.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/10/10	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1326527-00053	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Glypure™ 70

SDS-Identcode : 130000000519

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : PureTech Scientific LLC

Địa chỉ : 901 West DuPont Avenue, Belle, VW 25015, United States of America

Điện thoại : 1-877-215-5999

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +1 760 476 3960 access code 336264

Địa chỉ e-mail : sds-support@puretechscientific.com

Telefax : 1-304-357-1380

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Bảo chế các tiền chất
Chăm sóc cá nhân
Mỹ phẩm

Hạn chế khi sử dụng : Chỉ dùng trong công nghiệp

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Độc cấp tính (Đường miệng) : Cấp 5

Độc cấp tính (Hít phải) : Cấp 5

Ăn mòn/kích ứng da : Cấp 1

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt : Cấp 1

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 3

Các yếu tố nhãn theo GHS

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11
10.1	2023/10/10	1326527-00053	Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm : H303 + H333 Có thể có hại nếu nuốt phải hoặc nếu hít phải.
H314 Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.
H402 Có hại đối với sinh vật thủy sinh.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó:

P301 + P330 + P331 + P310 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn. Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn.
P303 + P361 + P353 + P310 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả các quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước hoặc vòi sen. Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn.
P304 + P340 + P310 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn.
P305 + P351 + P338 + P310 NẾU BAY VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.
P312 Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.
P363 Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.

Lưu trữ:

P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Ăn mòn đường hô hấp.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản 10.1 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/10/10 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1326527-00053 Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Glycolic acid	79-14-1	≥ 70 - ≤ 100

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Trong trường hợp tai nạn hoặc bạn cảm thấy không khỏe, hãy đi khám ngay lập tức.
Khi triệu chứng kéo dài hoặc trong mọi trường hợp nghi ngờ hãy tìm đến tư vấn y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu hít phải, di chuyển ngay ra nơi không khí trong lành.
Nếu nạn nhân ngừng thở, làm hô hấp nhân tạo.
Nếu nạn nhân khó thở, cung cấp oxy
Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Trong trường hợp chạm vào, ngay lập tức rửa sạch da bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút đồng thời cởi bỏ quần áo và giày bị dính bẩn.
Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Giặt sạch quần áo trước khi tái sử dụng,
Giặt sạch giày trước khi tái sử dụng
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Trong trường hợp bị bắn phải, ngay lập tức rửa sạch mắt bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút.
Gỡ bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và để làm
Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Nếu nuốt phải, không được gây nôn.
Nếu xảy ra nôn ọe thì để người ngã về phía trước.
Gọi bác sĩ hoặc trung tâm chống độc ngay lập tức.
Xúc miệng kỹ bằng nước
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Hít phải có thể gây ra các triệu chứng sau:
Ho
Khó thở
Đau
Kích ứng
Tiếp xúc với da có thể gây ra các triệu chứng sau:
Kích ứng
Phát ban
Hoại tử
Khó chịu
Tiếp xúc với mắt có thể gây ra các triệu chứng sau
Ẩn mẩn
Loét

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản 10.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/10/10	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1326527-00053	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

Kích ứng nặng
Ăn phải có thể gây ra các triệu chứng sau:
Rối loạn đường tiêu hóa
Buồn nôn
Nôn mửa
Tiêu chảy
Có thể có hại nếu nuốt phải hoặc nếu hít phải.
Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Gây bỏng nặng.
Gây bỏng rát đường tiêu hóa.
Ăn mòn hệ hô hấp.

Bảo vệ người sơ cứu : Các bộ phát đáp Sơ cứu nên chú ý đến tự bảo vệ và sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân được đề nghị khi khả năng tiếp xúc tồn tại (xem phần 8).

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bụi nước
Bột chịu cồn.
Carbon điôxit (CO₂)
Hóa chất khô

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Được biết là chưa xảy ra.

Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Phơi nhiễm với các sản phẩm dễ cháy có thể nguy hại đối với sức khỏe.

Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Carbon ôxit

Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa không mở.
Di chuyển các thùng chứa chưa bị hư hại ra khỏi khu vực đám cháy nếu việc này không gây nguy hiểm.
Sơ tán toàn bộ khu vực.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.
Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Làm theo lời khuyên về xử lý an toàn (xem phần 7) và khuyến nghị về thiết bị bảo vệ cá nhân (xem phần 8).

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11
10.1	2023/10/10	1326527-00053	Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27

- Các cảnh báo về môi trường : Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn.
Ngăn ngừa sự lan toả trên diện rộng (ví dụ bằng cách chứa lại hoặc bằng các phao ngăn dầu).
Giữ lại và tiêu hủy nước rửa bị nhiễm bẩn.
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ.
Đối với các vụ việc tràn đổ lớn, cần đắp đê bao hoặc cung cấp các vật liệu ngăn chặn thích hợp để giữ cho chất tràn đổ không bị lan rộng. Nếu chất tràn đổ có thể bơm được, lưu giữ chất thu lại được trong các thùng chứa thích hợp.
Dọn sạch các chất còn đọng lại do tràn đổ bằng chất thấm hút thích hợp.
Các quy định của quốc gia hoặc địa phương có thể phải áp dụng khi thải loại hoặc tiêu hủy chất này, cũng như đối với các chất trên và các vật liệu được sử dụng trong việc làm sạch chất thải. Bạn sẽ cần xác định các quy định nào cần phải được áp dụng.
Mục 13 và 15 của SDS này cung cấp thông tin liên quan đến các quy định quốc gia và địa phương.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Các biện pháp kỹ thuật : Xem Các biện pháp kỹ thuật dưới phần KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN.
- Thông gió cục bộ/toàn bộ : Nếu không có hệ thống thông khí hiệu quả, hãy sử dụng cùng với hệ thống thông khí thải tại chỗ.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không để lên da hoặc quần áo.
Không hít hơi hoặc bụi sương.
Không được nuốt.
Không để chạm vào mắt.
Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
Xử lý theo hành động an toàn và vệ sinh công cộng, dựa trên kết quả đánh giá phơi nhiễm tại nơi làm việc.
Đóng chặt thùng chứa.
Chú ý phòng ngừa hiện tượng tràn ra ngoài, hao hụt và giảm thiểu thải ra môi trường.

Không hít vào sản phẩm phân hủy.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Chứa trong các thùng có dán nhãn đúng.
Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.
Đóng kín.
Lưu trữ theo các quy định đặc biệt của quốc gia.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản 10.1 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/10/10 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1326527-00053 Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27

Phản ứng với nhiều kim loại và giải phóng khí hydro và có thể tạo thành hỗn hợp dễ nổ trong không khí. Hydro, một loại khí dễ cháy, có thể tích tụ tới nồng độ gây nổ trong thùng phuy hoặc bất cứ loại thùng chứa nào bằng thép khi lưu giữ.

Các chất cần tránh bảo quản : Không cất giữ với các loại sản phẩm sau đây:
Chất và hỗn hợp tự phản ứng
Peroxyt hữu cơ
Chất oxy hóa
Chất nổ

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị : > 10 °C

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp với các sản phẩm phân hủy

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Carbon dioxít	124-38-9	TWA	9.000 mg/m ³	VN OEL
		STEL	18.000 mg/m ³	VN OEL
		TWA	5.000 ppm	ACGIH
		STEL	30.000 ppm	ACGIH

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : Việc xử lý có thể hình thành các hợp chất độc hại (xem phần 10).
Giảm thiểu mức độ phơi nhiễm tại nơi làm việc.
Nếu không có hệ thống thông khí hiệu quả, hãy sử dụng cùng với hệ thống thông khí thải tại chỗ.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Nếu không có hệ thống thông khí thải tại chỗ phù hợp hay đánh giá phơi nhiễm cho thấy mức phơi nhiễm vượt ngưỡng được đề xuất, hãy sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp.

Bộ lọc loại : Loại hơi/khí vô cơ

Bảo vệ tay

Vật liệu : Găng tay chống hóa chất

Ghi chú : Việc chọn găng tay bảo vệ khỏi hoá chất phụ thuộc vào nồng độ và số lượng các chất nguy hại và phụ thuộc vào nơi làm

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản 10.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/10/10	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1326527-00053	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

việc Thời gian để sản phẩm thấm xuyên qua găng tay chưa xác định được. Thường xuyên thay găng tay. Đối với các ứng dụng đặc biệt, chúng tôi khuyến cáo nên liên lạc với nhà sản xuất nhằm xác minh tính chống chịu với hoá chất của các loại găng tay kể trên. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

- | | |
|-----------------------|---|
| Bảo vệ mắt | : Mặc những thiết bị bảo hộ cá nhân sau:
Phải đeo găng tay chịu hóa chất
Nếu có khả năng xảy ra bắn tóe, đeo:
Mạng che mặt |
| Bảo vệ da và cơ thể | : Chọn quần áo bảo hộ thích hợp dựa vào dữ liệu về khả năng chịu được hóa chất và đánh giá nguy cơ phơi nhiễm nội bộ.
Cần tránh tiếp xúc với da bằng việc sử dụng quần áo bảo hộ không thấm (găng tay, ủng, tạp rề ,vv...) |
| Các biện pháp vệ sinh | : Nếu có nguy cơ phơi nhiễm hóa chất trong khi sử dụng bình thường, hãy cung cấp hệ thống vòi rửa mắt và vòi sen an toàn gần nơi làm việc.
Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.
Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng. |

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

- | | |
|--------------------------------|--|
| Trạng thái | : thể lỏng |
| Màu sắc | : không màu |
| Mùi đặc trưng | : yếu |
| Ngưỡng mùi | : chưa có dữ liệu |
| Độ pH | : 0,1 (25 °C) |
| Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc | : 10 °C |
| Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu | : 112 °C
(1.013 hPa) |
| Điểm cháy | : > 100 °C

Phương pháp: ASTM D 56 |
| Tỷ lệ hóa hơi | : chưa có dữ liệu |

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản 10.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/10/10	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1326527-00053	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	Không áp dụng được
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	0,0041 hPa (25 °C) (dành cho một thành phần của hỗn hợp này)
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	:	1,26 (20 °C)
Độ hòa tan Độ hòa tan trong nước	:	> 300 g/l (dành cho một thành phần của hỗn hợp này) (22 °C)
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	log Pow: -1,07 (20 °C) (dành cho một thành phần của hỗn hợp này)
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt Độ nhớt, động lực	:	11,28 mPa.s (16 °C)
Độ nhớt, động học	:	6,149 mm ² /s (23 °C)
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
Đặc tính ôxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
Kích thước hạt	:	Không áp dụng được

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không thuộc loại nguy hại phản ứng.
Tính ổn định	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản 10.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/10/10	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1326527-00053	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

Phản ứng nguy hiểm : Có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm sẽ được hình thành khi nhiệt độ được tăng lên.

Các điều kiện cần tránh : Được biết là chưa xảy ra.

Vật liệu không tương thích : Chất oxy hóa
Bazơ

Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy

Phân hủy do nhiệt : Carbon dioxide

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc : Hít phải
Tiếp xúc với da
Ăn uống
Tiếp xúc với mắt

Độc cấp tính

Có thể có hại nếu nuốt phải hoặc nếu hít phải.

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng : Ước lượng độc tính cấp: 2.855 mg/kg
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Độc tính cấp do hít phải : Ước lượng độc tính cấp: 5,04 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Thành phần:

Glycolic acid:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): 2.040 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn Thử nghiệm EPA Hoa Kỳ OPP 81-1

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): 3,6 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403
Đánh giá: Ăn mòn đường hô hấp.

Độc tính cấp qua da : Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính qua da

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản 10.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/10/10	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1326527-00053	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

Ăn mòn/kích ứng da

Gây bỏng nặng.

Thành phần:

Glycolic acid:

Loài	: Thỏ
Phương pháp	: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Kết quả	: Gây ăn mòn sau khi tiếp xúc từ 3 phút đến 1 giờ

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Thành phần:

Glycolic acid:

Loài	: Thỏ
Kết quả	: Những ảnh hưởng không thể phục hồi lên mắt
Phương pháp	: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Glycolic acid:

Loại kiểm nghiệm	: Thử nghiệm Buehler
Đường tiếp xúc	: Tiếp xúc với da
Loài	: Chuột lang
Phương pháp	: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Kết quả	: Âm tính

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Glycolic acid:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm	: Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES) Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471 Kết quả: Âm tính
	: Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống thí nghiệm

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản 10.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/10/10	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1326527-00053	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476
Kết quả: Âm tính

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm nhân nhỏ của hồng cầu trên động vật có vú (thí nghiệm di truyền học tế bào trong cơ thể)
Loài: Chuột nhắt
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474
Kết quả: Âm tính

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen) - Đánh giá : Trọng số bằng chứng không đủ khẳng định xếp loại là biến đổi tế bào mầm.

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Glycolic acid:

Loài : Chuột nhắt
Lộ trình ứng dụng : Tiếp xúc với da
Thời gian phơi nhiễm : 40 Tuần
Kết quả : Âm tính

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này là một chất gây ung thư

Độc tính sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Glycolic acid:

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính sinh sản một thế hệ
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Quy định (EC) số 440/2008, Phụ lục, B.34
Kết quả: Âm tính

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển phôi thai
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 414
Kết quả: Âm tính

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11
10.1	2023/10/10	1326527-00053	Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này có độc tính sinh sản

STOT - Tiếp xúc một lần

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

Glycolic acid:

Loài	: Chuột, Đực và cái
NOAEL	: 150 mg/kg
LOAEL	: 300 mg/kg
Lộ trình ứng dụng	: Nuốt phải
Thời gian phơi nhiễm	: 90 Days
Phương pháp	: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Kinh nghiệm với phơi nhiễm trên người

Sản phẩm:

Hít phải : Triệu chứng: Ở nhiệt độ không khí, sản phẩm này chỉ gây hại ở mức tối thiểu về mặt hô hấp do nó có áp suất hơi thấp., Hít phải bụi khí dung hoặc các hạt mịn trong khí hơi phun mù có thể gây ra các bệnh lý hô hấp trầm trọng., Ăn mòn đường hô hấp.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Thành phần:

Glycolic acid:

Độc đối với cá	: LC50 (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): 114,8 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	: EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 99,6 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước	: ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): 31,2 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 72 h

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản 10.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/10/10	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1326527-00053	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

NOEC (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): 14,4 mg/l

Thời gian phơi nhiễm: 72 h

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Thành phần:

Glycolic acid:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Dễ phân huỷ sinh học.
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

Glycolic acid:

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : log Pow: -1,07

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải
Loại bỏ theo quy định của địa phương

Bao bì nhiễm độc : Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ
Nếu không được quy định khác: Xử lý như đối với sản phẩm chưa sử dụng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : UN 3265
Tên vận chuyển thích hợp : CORROSIVE LIQUID, ACIDIC, ORGANIC, N.O.S.
(Glycolic acid)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11
10.1	2023/10/10	1326527-00053	Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27

Hạng	:	8
Nhóm hàng	:	II
Nhãn	:	8
Nguy hại với môi trường	:	không

IATA-DGR

Số UN/ID	:	UN 3265
Tên vận chuyển thích hợp	:	Corrosive liquid, acidic, organic, n.o.s. (Glycolic acid)

Hạng	:	8
Nhóm hàng	:	II
Nhãn	:	Corrosive
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	:	855
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	:	851

Mã IMDG

Số hiệu UN	:	UN 3265
Tên vận chuyển thích hợp	:	CORROSIVE LIQUID, ACIDIC, ORGANIC, N.O.S. (Glycolic acid)

Hạng	:	8
Nhóm hàng	:	II
Nhãn	:	8
Mã EmS	:	F-A, S-B
Chất ô nhiễm đại dương	:	không

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất : 2023/10/10

Các thông tin khác : Glypure™ và bất kỳ biểu trưng được liên kết nào là các thương hiệu hoặc bản quyền của Công ty PureTech Scientific LLC.
Trước khi sử dụng đọc thông tin an toàn của PureTech

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11
10.1	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
	2023/10/10	1326527-00053	

Scientific LLC.

Để biết thêm thông tin, liên hệ văn phòng PureTech Scientific LLC tại địa phương hoặc nhà phân phối do PureTech Scientific LLC chỉ định.

Thông tin khác

Nguồn dữ liệu chính dùng để lập Phiếu Dữ liệu An toàn : Dữ liệu kỹ thuật nội bộ, dữ liệu từ Bảng thông tin an toàn (SDS) nguyên liệu, kết quả tìm kiếm trên Cổng thông tin điện tử về hóa chất OECD và Cơ quan hóa chất Châu Âu, <http://echa.europa.eu/>

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH : Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
VN OEL : Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc

ACGIH / TWA : 8 giờ, trung bình tính theo thời gian
ACGIH / STEL : giới hạn tiếp xúc trong thời gian ngắn
VN OEL / TWA : Trung bình về thời gian
VN OEL / STEL : Từng lần tối đa

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Glypure™ 70



Phiên bản 10.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/10/10	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1326527-00053	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/08/11 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin được cung cấp trong Bảng dữ liệu an toàn này là chính xác nhất theo kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin chỉ được đưa ra như hướng dẫn để công bố, bỏ, vận chuyển, lưu trữ, xử lý, sử dụng và điều khiển an toàn và sẽ không được xem là sự bảo hành hoặc thông số kỹ thuật về chất lượng của bất kỳ loại nào. Thông tin được cung cấp chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể đã nêu tại trang đầu tiên SDS này và sẽ không hợp lệ khi tài liệu SDS được sử dụng liên quan đến bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được nêu cụ thể trong văn bản. Người dùng tài liệu nên đánh giá thông tin và các đề xuất trong hoàn cảnh cụ thể và theo cách thức điều khiển, sử dụng, xử lý và lưu trữ dự kiến của mình, bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của tài liệu SDS trong sản phẩm cuối cùng của người dùng, nếu có thể áp dụng.

VN / VI